TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2019
V/v *xin ly hôn giữa*
Chị H - Anh S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Minh Đức.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị H

Ông Đỗ Đức Nhân.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Doanh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà*: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 298/2018/HNGĐ-ST ngày 12/12/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 11/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐHPT-ST ngày 26/3/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh S*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do, quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Cũng từ năm 2012 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Vân T, sinh ngày 15/02/2000, hiện con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn S: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh S đến Toà án giải quyết việc ly hôn với chị H, nhưng anh S vẫn cố tình dấu địa chỉ và không đến Toà án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Toà án không ghi được lời khai của anh S và không tiến hành hoà giải được, tại phiên toà lần một và lần hai anh S vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị H được ly hôn anh S vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài; Về quan hệ con chung: chị H và anh S có 01 con chung hiện đã trên 18 tuổi, vì vậy không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản: chị H và anh S không có tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng*: Bị đơn có nơi cư trú và đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 1 và lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn S được xác lập trên cở sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 30/11/1998 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh S S sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống do hai bên tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát S mâu thuẫn. Năm 2012 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị được ly hôn anh S. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, đối với anh S, Toà án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ các giấy tờ cần thiết để anh S đến toà án tham gia hoà giải để vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh S vẫn cố tình vắng mặt và dấu địa chỉ. Như vậy anh S không có thiện chí hoà giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H. Qua xác minh thân nhân của anh S, cơ sở thôn V và cán bộ Tư pháp xã A đều xác nhận hiện tại anh S đi làm ăn tự do, không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà tại thôn V, xã A, anh S đã nhận giấy tờ tố tụng của Tòa án qua thân nhân và đã biết việc chị H

xin ly hôn. Quan điểm của thân nhân anh S, cơ sở thôn V và Tư pháp xã A, đều đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đều cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh S là có căn cứ.

[3].*Về con chung*: Chị H và anh S có 01 con chung là Nguyễn Vân T, sinh ngày 15/02/2000. Con chung đã trưởng thành, vì vậy không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4].*Về tài sản*: chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy phần tài sản Toà án không xét.

[5].*Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2/ Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003836 ngày 12/12/2018 thành tiền án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ.*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ.*
- *UBND xã A.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC